Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
18-01-2021 15:46:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76 /QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 18 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
V/v giao nhiệm vụ lập các nội dung quy hoạch để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 27/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc đề xuất tích hợp quy hoạch tổng thể bố trí Quốc phòng vào các quy hoạch thuộc hệ thống Quy hoạch quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Hội đồng Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc lập Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí lập Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) phối hợp tổ chức tư vấn lập Quy hoạch tỉnh phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, đánh giá thực trạng của ngành, địa phương mình phụ trách, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập Quy hoạch tỉnh; đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập Quy hoạch tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Điều 1 có trách nhiệm:

1. Chủ động, khẩn trương chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và đạt chất lượng.

2. Đề xuất nội dung đưa vào Quy hoạch tỉnh thuộc lĩnh vực, địa phương mình phụ trách; đồng thời phối hợp cơ quan lập Quy hoạch tỉnh và đơn vị tư vấn để xây dựng nội dung quy hoạch đã được phân công, gửi cơ quan lập Quy hoạch tỉnh; xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của nội dung Quy hoạch tỉnh.

3. Phối hợp điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan lập quy hoạch.

4. Chịu trách nhiệm trước cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND tỉnh) về nội dung, chất lượng và thời gian thực hiện nội dung quy hoạch được phân công xây dựng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

5. Thời gian thực hiện các nội dung đề xuất phải đảm đúng theo Hợp đồng đã thương thảo.

Điều 3. Đề nghị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư (Chủ đầu tư) trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh, rà soát các khu vực có liên quan, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh một số khu vực địa hình an ninh, quốc phòng (tại Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ) thì tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Quốc phòng phối hợp nghiên cứu, thống nhất điều chỉnh để tạo điều kiện cho tỉnh phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với nhiệm vụ quốc phòng.

Điều 4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (chủ đầu tư) tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về lập Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và Quyết định này; kịp thời rà soát, tham mưu điều chỉnh các nội dung, thời gian thực hiện các nội dung của Kế hoạch số 81/KH-UBND và Quyết định này bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định; báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo và xử lý các vấn đề vướng mắc trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc các sở, ban ngành, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ tịch

UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng TH, KT, VX, XD, NC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Trần Văn Lâu

PHỤ LỤC
GIAO NHIỆM VỤ CHO CÁC SỞ, BAN NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN PHỐI HỢP SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH ĐỂ TÍCH HỢP VÀO QUY HOẠCH TỈNH SÓC TRĂNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số: 76 /QĐ-UBND ngày 18 / 01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

TT	Tên nội dung	Nội dung chủ yếu	Cơ quan phối hợp
I	**GIAO CÁC SỞ, BAN NGÀNH PHỐI HỢP SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH TỈNH**		
1	Lập định hướng tổng thể phát triển giao thông vận tải trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển giao thông vận tải bền vững trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển bền vững mạng lưới giao thông vận tải đường bộ, bao gồm mạng lưới đường bộ đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh. ▪ Lập phương án phát triển bền vững mạng lưới giao thông vận tải đường thủy nội địa, hàng hải, bao gồm mạng lưới đường thủy nội địa, hàng hải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh. ▪ Nghiên cứu đề xuất các phương thức giao thông vận tải mới trên địa bàn tỉnh. ▪ Xây dựng danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông vận tải quan trọng trên địa bàn tỉnh trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
2	Lập định hướng phân bổ và khoanh vùng đất theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu sử dụng đất cấp tỉnh trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. ▪ Lập phương án sử dụng đất quốc phòng và đất an ninh (SởTài nguyên và Môi trường làm việc với cơ quan Công an và Quân đội cùng cấp). ▪ Xây dựng hệ thống bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

3	Lập định hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án bảo vệ môi trường. ▪ Lập phương án sắp xếp, phân bố không gian, phân vùng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại tỉnh. ▪ Lồng ghép nội dung thích ứng, ứng phó với BĐKH, nước biển dâng vào nội dung bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh. ▪ Lập phương án phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tại tỉnh. ▪ Lập phương án phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn tại tỉnh. ▪ Lập phương án sắp xếp, phân bố khu nghĩa trang, các khu quản lý, xử lý chất thải. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
4	Lập định hướng bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập nội dung phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản bền vững. ▪ Lập nội dung phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên nước bền vững. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
5	Lập định hướng phát triển hạ tầng bảo đảm an toàn thông tin mạng, cơ sở xuất bản và cơ sở báo chí để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển ngành thông tin và truyền thông trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển mạng lưới viễn thông; hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. ▪ Lập phương án phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng công nghệ thông tin; hạ tầng đảm bảo an toàn thông tin mạng. ▪ Lập phương án phát triển mạng lưới bưu chính; báo chí, phát thanh, truyền hình; xuất bản, in, phát hành; thông tin điện tử, thông tin cơ sở. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư thuộc lĩnh vực phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông mạng lưới viễn thông trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

6	Lập định hướng xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu xây dựng các vùng liên huyện, vùng huyện trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Xác định phạm vi, tính chất, hướng phát triển trọng tâm của từng vùng liên huyện, vùng huyện. ▪ Bố trí, sắp xếp hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất, sinh kế bền vững và phân bố dân cư tại từng vùng liên huyện, vùng huyện. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư xây dựng các vùng liên huyện, vùng huyện trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ XÂY DỰNG
7	Lập định hướng quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển mạng lưới đô thị, bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn. ▪ Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trong quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
8	Lập định hướng phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, nghĩa trang và xử lý rác thải, chống ngập lụt tại các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển hạ tầng cấp nước (sinh hoạt, sản xuất), thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung. ▪ Phương án phát triển bền vững hệ thống cấp, thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị và khu vực dân cư nông thôn tập trung. ▪ Phương án huy động các nguồn lực phát triển hạ tầng cấp, thoát nước, chống ngập lụt gắn với phát triển hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển hạ tầng cấp, thoát nước, chống ngập lụt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	

9	Lập định hướng phát triển thủy lợi, đê điều; phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển thủy lợi, hệ thống đê điều, phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển hạ tầng thủy lợi bền vững; hạ tầng đê điều; hạ tầng phòng, chống lũ của tuyến sông có đê thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển thủy lợi, hệ thống đê điều, phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
10	Lập định hướng phát triển nông lâm nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	▪ Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập nội dung phương án phát triển bền vững các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. ▪ Lập phương án quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. ▪ Lập phương án phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp. ▪ Lập phương án phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển nông lâm nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
11	Lập định hướng phát triển thủy sản trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển ngành thủy sản trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập nội dung phương án phát triển bền vững các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng bảo tồn, vùng khai thác thủy sản. ▪ Lập nội dung phương án bảo vệ và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản. ▪ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản bền vững. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển ngành thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	

12	Lập định hướng phát triển mạng lưới cấp điện để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển về năng lượng, điện lực, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập các phương án phát triển về năng lượng điện mặt trời, điện gió và các năng lượng tái tạo khác. ▪ Lập phương án phát triển bền vững về điện lực, mạng lưới cấp điện. ▪ Phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt. ▪ Phương án sử dụng đất cho phát triển phát triển năng lượng, điện lực, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển về năng lượng, điện lực, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
13	Lập định hướng phát triển các ngành công nghiệp, cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển bền vững các ngành công nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp bền vững, gồm các khu công nghiệp đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh và các cụm công nghiệp của tỉnh. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển các ngành công nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ CÔNG THƯƠNG
14	Lập định hướng phát triển ngành thương mại trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển ngành thương mại trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển bền vững thương mại nội địa, ngoại thương. ▪ Lập phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại quan trọng. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại quan trọng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	

15	Lập định hướng phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án sắp xếp, phân bố không gian cho bảo tồn, bảo tàng và di sản văn hóa. ▪ Phương án phát triển bền vững mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội và thiết chế phi vật thể thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
16	Lập định hướng phát triển ngành du lịch trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển ngành du lịch trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án tổ chức không gian phát triển du lịch, hệ thống khu du lịch. ▪ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết chế phi vật thểdu lịch. ▪ Phương án huy động các nguồn lực phát triển ngành du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển ngành du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
17	Lập định hướng phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án sắp xếp, phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thương xuyên; mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm; mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
18	Lập định hướng phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển, định hướng phân bố không gian mạng lưới tổ chức (cơ sở) khoa học và công nghệ. ▪ Lập phương án phát triển các khu công nghệ cao. ▪ Phương án huy động các nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển mạng lưới tổ chức (cơ sở) khoa học, công nghệ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

19	Lập định hướng phát triển hệ thống y tế trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển lĩnh vực y tế trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển, định hướng phân bố không gian mạng lưới y tế dự phòng; mạng lưới khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng; mạng lưới y tế cơ sở. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển hệ thống y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ Y TẾ
20	Lập định hướng phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án phát triển, định hướng phân bố không gian mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm và hạ tầng xã hội khác thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn tỉnh. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
21	Lập danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Tổng hợp danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư theo ngành, lĩnh vực, phân theo địa phương. ▪ Xây dựng các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư. ▪ Hình thành danh mục dự án quan trọng, sắp xếp thứ hạng ưu tiên và phần kỳ thực hiện các dự án.	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
22	Đề xuất, bố trí, tích hợp nội dung các khu vực địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.	Phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư (Chủ đầu tư) trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh, rà soát nếu cần thiết phải điều chỉnh một số khu vực địa hình trong Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ, tham mưu UBND tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Quốc phòng để phối hợp nghiên cứu, thống nhất điều chỉnh.	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH
II	**GIAO UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ PHỐI HỢP SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH TỈNH**		
23	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội thành phố Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của thành phố; các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Lập phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH tại thành phố.	UBND THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

24	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội thị xã Ngã Năm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của thị xã. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH thị xã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND THỊ XÃ NGÃ NĂM
25	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội thị xã Vĩnh Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của thị xã. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH thị xã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND THỊ XÃ VĨNH CHÂU
26	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN CHÂU THÀNH

27	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Cù Lao Dung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN CÙ LAO DUNG
28	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Kế Sách thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT-XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT-XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT-XH huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN KẾ SÁCH
29	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Long Phú thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN LONG PHÚ

30	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Tú thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN MỸ TÚ
31	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Xuyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN MỸ XUYÊN
32	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Thạnh Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN THẠNH TRỊ

33	Lập phương án phát triển kinh tế - xã hội huyện Trần Đề thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	▪ Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của huyện. ▪ Xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng cần định hướng phát triển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. ▪ Phương án tổ chức không gian (kể cả không gian biển) phát triển KT - XH tại địa phương. ▪ Phương án huy động và phân bổ các nguồn lực vào phát triển KT - XH. ▪ Phương án liên kết phát triển giữa địa phương và các khu vực lân cận. ▪ Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển KT - XH huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND HUYỆN TRẦN ĐỀ